

CÔNG TY CỔ PHẦN SAFETY TRUMAN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SAFETY TRUMAN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAFETY TRUMAN JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SAFETY TRUMAN.JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 2400870481

3. Ngày thành lập: 26/08/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Non Thần , Xã Bình Sơn, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0978049013

Fax:

Email: trunghuyen1978@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
2.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
3.	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Chế biến các mặt hàng nông sản	1030(Chính)
4.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
5.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
6.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
7.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
8.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
9.	Sản xuất rượu vang	1102
10.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
11.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
12.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
13.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
14.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
15.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
16.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
17.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
18.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
19.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
20.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
21.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610

22.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
23.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
24.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
25.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
26.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
27.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
28.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
29.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
30.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
31.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
32.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
33.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
34.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
35.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
36.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
37.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
38.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
39.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
40.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
41.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
42.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
43.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
44.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4511
45.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4512
46.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4513
47.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4520
48.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4530
49.	Bán mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4541
50.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542

51.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4543
52.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa (Không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4610
53.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Kinh doanh các mặt hàng nông sản, lâm sản	4620
54.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
55.	Bán buôn thực phẩm	4632
56.	Bán buôn đồ uống	4633
57.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
58.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
59.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
60.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
61.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
62.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh các mặt hàng vật tư phục vụ trong nông nghiệp như: bao bì, túi, màng che, phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp;	4669
63.	Bán buôn tổng hợp	4690
64.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
65.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
66.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
67.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
68.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
69.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
70.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
71.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
72.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
73.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
74.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
75.	Cho thuê xe có động cơ	7710
76.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
77.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
78.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
79.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ THÀNH	Tổ dân phố Trịnh Xá, Phường Châu Khê, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	20,000	125190912	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	20.000	200.000.000	20,000		
2	NGUYỄN THÀNH CHUNG	Thôn Bảo An, Xã Hoàng An, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	50,000	121497620	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	50.000	500.000.000	50,000		

3	LÊ THỊ HUYỀN	Thôn Bảo An , Xã Hoàng An, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	30,000	122291967
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	30.000	300.000.000	30,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	--	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THÀNH CHUNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/04/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121497620

Ngày cấp: 25/04/2015

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Bảo An , Xã Hoàng An, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Bảo An , Xã Hoàng An, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang